

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **900** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **29** tháng 8 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S..... Ngày: 03/9

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành giá tính thuế tài nguyên
trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 ngày 11 tháng 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên;

Xét đề nghị của Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình Liên sở số 955/TTr-LS.STC-STN&MT ngày 05 tháng 8 năm 2014; của Sở Tư pháp tại văn bản số 38/BCTĐ-STP ngày 21 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Hà Nam. *(Có phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Đối với các loại tài nguyên chưa có giá tính thuế tài nguyên hoặc phải điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên tại Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này do không còn phù hợp với quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng giá tính thuế tài nguyên, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 3. Giao Cục thuế tỉnh hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thu thuế tài nguyên theo các quy định hiện hành và giá tính thuế tài nguyên được quy định tại Quyết định này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về trình tự, hồ sơ, cách thức tính và tổ chức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo các quy định hiện hành và giá tính thuế tài nguyên được quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính (Tổng Cục thuế);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng Cục địa chất và Khoáng sản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh HN;
- Lưu: VT, KTTH.

(QB GIA)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

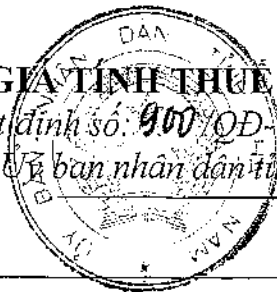
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **900**/QĐ-UBND ngày **29** tháng 8 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)



TT	Loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Đá làm vật liệu xây dựng (Quy ra đá hộc)	đ/m ³	80.000
2	Đá đô lô mít (hàm lượng MgO ≥ 15%)	đ/m ³	120.000
3	Đá vôi, đá nguyên liệu sản xuất xi măng	đ/m ³	85.000
4	Đất sét sản xuất xi măng	đ/m ³	80.000
5	Đất đá san lấp, cấp phối	đ/m ³	40.000
6	Đất làm gạch ngói	đ/m ³	50.000
7	Cát làm vật liệu xây dựng	đ/m ³	45.000
8	Cát san lấp	đ/m ³	40.000
9	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh		
9.1	Sử dụng nước mặt	đ/m ³	2.000
9.2	Sử dụng nước dưới đất	đ/m ³	3.000